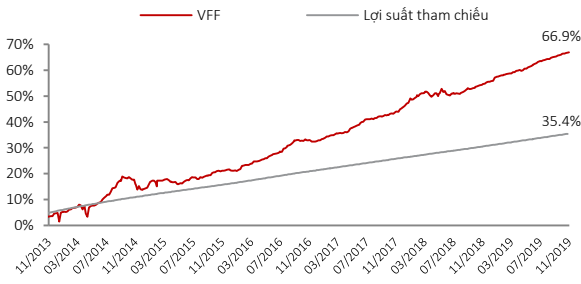


VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 11/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. SE có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit ¹	4 SOCBs 12M deposit ²	VCB 12M deposit ³
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	103.3			
NAV/CCQ, VND	16,689			
Tăng trưởng NAV⁴				
So với tháng trước	0.5%			
Từ đầu năm	7.3%	4.6%	6.2%	6.1%
Quy thành năm				
2019	8.0%	5.0%	6.8%	6.7%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	7.9%	5.1%	6.5%	6.4%
Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập	66.9%	35.4%	45.5%	44.8%

¹ NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành
² Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)
³ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN
⁴ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> 2,5% < 12 tháng 1,5% > / = 12 và < 24 tháng 0,75% > / = 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chiến lược đầu tư

Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ chế ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Hoài Phương
phuong.hoai.nguyen@vinacapital.com

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: jrw@vinacapital.com
 Tel: +84 8 38 27 85 35

Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ

Quỹ mở Trái phiếu

Mức rủi ro



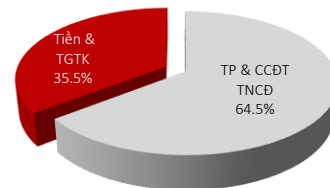
Mức lợi nhuận



Mức phí



Phân bổ tài sản



Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16.689 VND tại thời điểm cuối tháng 11/2019, tăng 0.5% so với tháng trước và 7.3% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 11 nhờ vào tăng dự trữ và từ lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác.

Tính đến cuối tháng 11/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 103,3 tỷ đồng (4,5 triệu USD) so với mức 106 tỷ đồng (4,6 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 10. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 64.5% tổng GTTSR và VFF duy trì 35.5% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Thị trường trái phiếu

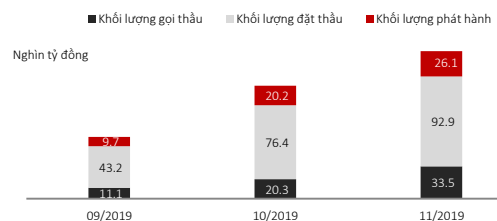
Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phát đi thông báo điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực kể từ ngày 19/11. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,0%/năm xuống 0,8%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. Đồng thời này từ phía cơ quan quản lý thị trường nhằm thực hiện chủ trương của Chính phủ định hướng giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ các doanh nghiệp dựa trên cơ sở diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ trong thời gian vừa qua. Mặc dù vậy, lãi suất liên ngân hàng được ghi nhận hồi phục tăng tại tất cả các kỳ hạn trong tháng 11 do hai nguyên nhân chính (i) nhu cầu tín dụng thường được ghi nhận tăng cao vào cuối năm, (ii) ảnh hưởng của Trung tu 58/2019/TT-BTC, theo đó lượng tiền gửi thanh toán của KBNN tại các NHTM sẽ phải chuyển về tập trung tại NHNN.

Trong tháng 11, tổng số lượng trái phiếu chính phủ được phát hành thông qua đấu thầu là 13.729 tỷ đồng tăng 67.85% so với tháng 10. Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cũng được phát hành với tổng khối lượng 12.397 tỷ đồng. Việc tăng lượng cung trái phiếu ra thị trường cũng phần nào lý giải xu hướng giảm lãi suất của trái phiếu.

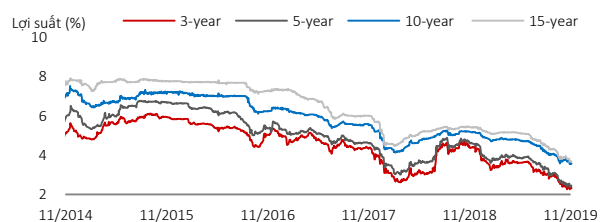
Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch toàn thị trường outright trong tháng 11 đạt 130.835 tỷ đồng, tăng 5.17% so với tháng 10 và cao nhất trong các tháng kể từ đầu năm 2019. Trong đó giao dịch tập trung vào kỳ hạn 7 năm đến 15 năm. Tổng giá trị giao dịch repo trong tháng 11 đạt 83.619 tỷ đồng, tăng 12.60% so với tháng 10. Kỳ hạn repo dao động từ 1 tháng đến 6 tháng, với một bằng lãi suất tăng mạnh từ 0.4%-1.7% tùy kỳ hạn.

Đường lợi suất trái phiếu tiếp tục dịch chuyển xuống dưới, áp lực giảm mạnh được ghi nhận tại kỳ hạn ngắn (<5 năm) và kỳ hạn dài (>10 năm). Theo thống kê của Bloomberg, lợi suất các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm lần lượt kết thúc tháng 11 ở 2,15% (-22,70 bps mom), 2,2% (-32,50 bps mom), 2,3% (-30,20 bps mom), 2,405% (-30,00 bps mom), 3,313% (-13,30 bps mom), 3,592% (-18,40 bps mom), 3,708% (-19,40 bps mom).

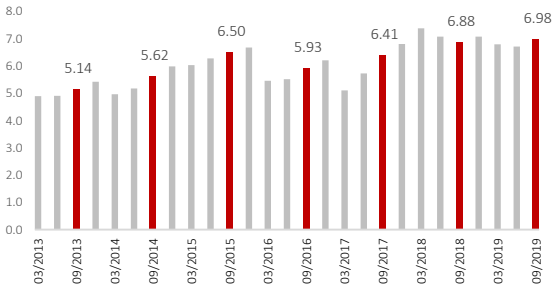
Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



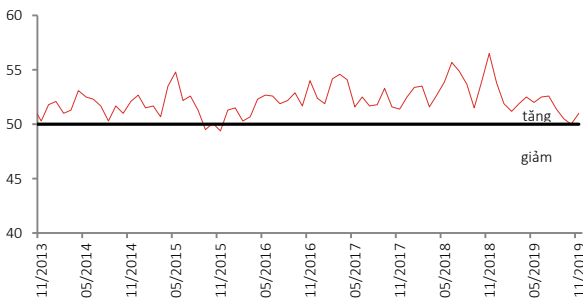
Lợi suất trái phiếu thứ cấp



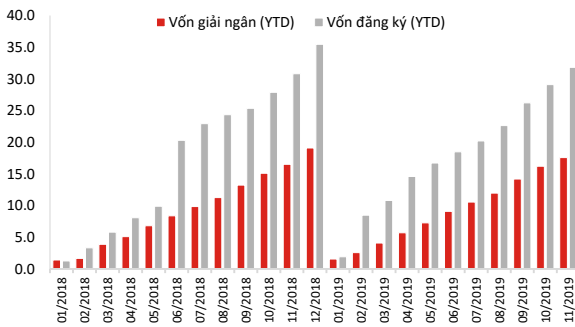
Tăng trưởng GDP theo quý (%)



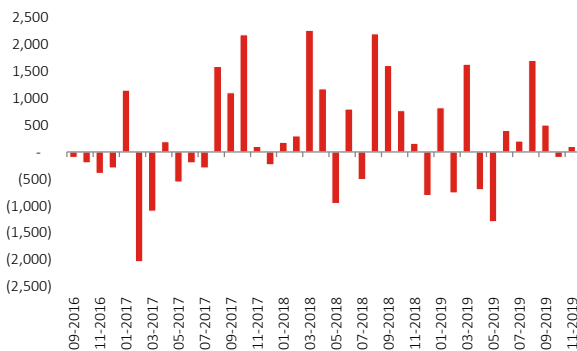
Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



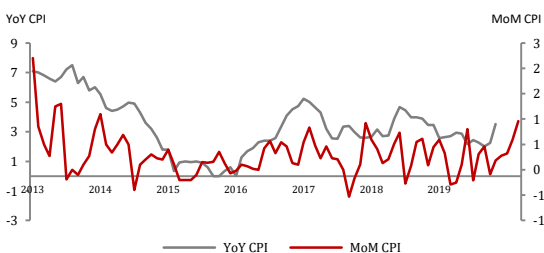
FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



Nguồn: Bloomberg

Cập nhật thị trường vĩ mô, 11/2019

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ thuế quan và nhu cầu suy yếu trên diện rộng, Việt Nam đang là điểm sáng của toàn khu vực châu Á và thế giới. Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt là 241 tỷ đô (tăng 7.8% so với năm ngoái) và 232 tỷ đô (tăng 7.4% so với năm ngoái), trong khi tăng trưởng xuất khẩu của nhóm các nước đang phát triển theo Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) chỉ tăng 2.1%. Thặng dư thương mại đạt 9.1 tỷ đô so với mức 6.8 tỷ đô trong 11 tháng năm 2018. Trong đó đặc biệt phải kể đến tăng trưởng xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh (27.6% so với năm ngoái), với việc gia tăng mạnh các mặt hàng như đồ nội thất từ gỗ, giày dép, hàng may mặc đồ điện tử, điện thoại di động.

Cùng với đó, báo cáo từ World Bank cho thấy kiều hối cả nước trong năm nay có thể đạt mức 16.7 tỷ USD (chiếm 6.4% GDP) và tăng nhẹ so với mức 16 tỷ USD của năm 2018. Sự ổn định từ dòng tiền đã tạo điều kiện cho NHNN thành công trong việc giữ ổn định chính sách tiền tệ và tỷ giá trong nước. Đồng VND ổn định trở lại sau khi SBV ngừng mua ròng. Tỷ giá USD/VND tiếp tục ổn định quanh mức giá mua của SBV là VND23,200 trong tháng qua.

CPI tháng 11 tăng 0.98% so với tháng trước (mức tăng cao nhất kể từ tháng 10 năm 2013) và 3.52% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng này chủ yếu do biến động giá thịt lợn. Tuy nhiên, mức CPI trung bình trong tháng 11 lại ở mức thấp nhất trong 3 năm là 2.57%. Điều này cho thấy lạm phát vẫn được kiểm soát tốt trong năm 2019.

Mức FDI giải ngân tăng 6.8% so với cùng kỳ năm ngoái đạt 17.6 tỷ đô. Trong khi đó FDI đăng ký tăng 3.1% so với cùng kỳ năm ngoái đạt một 31.8 tỷ đô. Các số liệu kinh tế vĩ mô nhiều điểm sáng đặc biệt là một trong những nguyên nhân chính lý giải cho xu hướng giảm lãi suất trái phiếu diễn ra trong những tháng gần đây. Việt Nam vẫn được đánh giá là đất nước tăng trưởng ổn định, là điểm đến thu hút dòng vốn đầu tư, từ đó tác động tích cực lên lợi suất trái phiếu.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		11/2019	10/2019	2018A	2019F	
GDP	% y/y	N/A	N/A	7.08	6.60 - 6.80	
PMI		51	50	53.8		
CPI, bình quân	% y/y	3.52	2.24	3.45	3.57	
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	9.12	7.05	7.78	6.81	
	Nhập khẩu	% y/y	7.4	7.8	11.58	13.70
	Xuất khẩu	% y/y	7.8	7.4	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	31.8	29.10	35.46		
FDI, Giải ngân	USD tỷ	17.6	16.2	19.10		
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	67.00	67.00	60.00	65.00	
USD/VND	VND	23,197	23,202	22,655	23,880	

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn nào đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo đưa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cân hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trang nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.